

**T**rong cuộc hội thảo “Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung - CEPT trong ASEAN” tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 30.3.2001, ông Trần Đức Minh - Phó Tổng thư ký ASEAN đã thông báo việc tăng tốc thực hiện AFTA vào năm 2002 thay vì năm 2003 đã được nguyên thủ các quốc gia ASEAN quyết định.

Như vậy với thời hạn thực hiện AFTA đang đến gần lắm rồi, thì việc các doanh nghiệp cần nắm lại những qui định thực hiện CEPT - AFTA cũng như quá trình thực hiện của các nước thành viên cho đến hiện nay ra sao? Và các doanh nghiệp cần biết những chuẩn bị cần có cho doanh nghiệp mình ra sao?

Vào tháng 6 năm 1991, Thủ tướng Thái Lan đề xướng thành lập Khu mậu dịch tự do ASEAN ( ASEAN Free Trade Area- AFTA ) và đã được Hội nghị thượng đỉnh ASEAN chính thức qui định vào tháng 1 - 1992, với mục đích đẩy mạnh mậu dịch và đầu tư giữa các nước thành viên, đưa nền kinh tế các nước phát triển cao hơn.

Mục tiêu của ASEAN là :

- Tăng trưởng kim ngạch buôn bán
- Tạo cơ hội đầu tư trực tiếp nước ngoài.
- Giảm từng bước thuế quan đi đến loại bỏ dần hàng rào phi quan thuế.

Vấn đề là các doanh nghiệp cần phải biết AFTA mang lại những lợi ích gì ?

Khu vực mậu dịch tự do nói chung là một trong các hình thức liên kết kinh tế quốc tế khá phổ biến trên thế giới. Trong đó, các hàng rào mậu dịch giữa các nước thành viên được bãi bỏ, nhưng mỗi nước thành viên vẫn duy trì với mức độ khác nhau các hàng rào mậu dịch với các nước khác không phải là thành viên. Cụ thể AFTA mang lại một số lợi ích sau đây:

- Tự do hóa thương mại.
- Giảm thuế .
- Loại bỏ hàng rào thuế quan và phi quan thuế trong khu vực: sản xuất phát triển hơn , thị trường mở rộng hơn.
- Thương mại hàng hóa và dịch vụ thông thoáng hơn
- Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài nhiều hơn.
- Tăng cường khả năng cạnh tranh.
- Nâng cao hiệu quả doanh nghiệp: hạ thấp giá cả, dịch vụ.
- Nhiều cơ hội thúc đẩy sản xuất, bán sản phẩm, xuất khẩu nguyên liệu thô.

Nhằm mục đích cụ thể hóa chính sách này, vào tháng 12.1992, Hội

# CHƯƠNG TRÌNH ƯU ĐÃI THUẾ QUAN CÓ HIỆU LỰC CHUNG TRONG ASEAN

NGUYỄN THỊ THANH THỦY



đồng quản trị của AFTA đã ký Hiệp định về ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung ( Common Effective Preferential Tariff, CEPT ) có hiệu lực từ tháng 1.1994, hiệp định này áp dụng cho các hàng công nghiệp và nông phẩm chế biến có xuất xứ từ các quốc gia thành viên ASEAN, và các nước trong vùng sẽ từng bước giảm thuế quan nhập khẩu xuống mức dưới 5%.

Những yếu tố của Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung là :

a. Thời hạn thực hiện mục tiêu này lúc đầu được định là 15 năm ( từ 1 tháng 1 năm 1993 đến năm 2008 ) , nhưng từ tháng 9.1994, ASEAN đã bàn đến một khả năng tích cực hơn và vào tháng 12.1995 họ đã đồng ý sẽ thực hiện trong mười năm (đến năm 2003). Nhưng Hội nghị thượng đỉnh lần thứ 6 của ASEAN năm 1998 đã tăng tốc thời gian đến năm 2002 thay vì 2003.

b. Sản phẩm.

Mặt hàng nông sản có lộ trình khác với sản phẩm công nghiệp.

Những sản phẩm được hưởng ưu đãi thuế quan chung phải đạt 40 % hàm lượng nội địa quốc gia ASEAN.

Các lịch trình cắt giảm thuế cho các danh mục sản phẩm đã được qui định và cam kết trong CEPT được xây dựng trên 2 nguyên tắc sau :

- Các mặt hàng có thể mạnh : xuất khẩu, có sức cạnh tranh : thực hiện cắt giảm sớm để tranh thủ ưu đãi của các nước , góp phần thúc đẩy xuất khẩu và thu hút đầu tư.

- Các mặt hàng có tiềm năng , đang trong giai đoạn đầu phát triển, có sức cạnh tranh kém hơn: sẽ thực hiện cắt giảm muộn hơn để có thời gian phát triển.

Cụ thể đối với Việt Nam lịch trình cắt giảm thuế thực hiện theo các danh mục như sau :

- Danh mục cắt giảm (Inclusion list - IL) là các mặt hàng sẵn sàng đưa vào giảm thuế ngay. Lịch trình cắt giảm như sau:

- Thuế suất > 20%: đến 1.11.2001 phải giảm xuống 20 %

- Thuế suất ≤ 20% : đến 2003 giảm xuống 0 - 5%

- Giảm đều hàng năm

- Một mức thuế không duy trì trong quá ba năm

- Công bố lộ trình cắt giảm cho 10 năm.

- Danh mục loại trừ tạm thời (Temporary Exclusion List -TEL) Do trường hợp ngoại lệ của IL đây là danh mục sản phẩm chưa thực hiện AFTA , chưa có điều kiện thực hiện thành viên phải dần đưa vào danh mục giảm thuế của AFTA, qui định thời gian yêu cầu là 8 năm để đi đến thực hiện CEPT hưởng mức thuế quan 0%. Lịch trình cắt giảm như sau:

- 1999 bắt đầu đưa vào cắt

giảm.

- 2003 đưa vào hết

- 2001 thuế suất ≤ 20 %

- Nếu đưa vào sau 2001 : thuế suất giảm ngay xuống 20%.

- Nông sản nhạy cảm và nhạy cảm cao (Sensitive list - SEL) là những mặt hàng cần bảo vệ.

- Thời điểm bắt đầu: 1.11.2004

- Thời hạn hoàn thành: 1.1.2013

- Thuế suất cuối cùng : 0-5%

- Riêng đường : 2010

- Danh mục loại trừ hoàn toàn (General exclusion - GE): Đây là những mặt hàng đặc biệt thuộc các lĩnh vực đặc biệt như an ninh quốc gia, các sản phẩm có giá trị khảo cổ học, nghệ thuật cao, có giá trị tinh thần , tôn giáo, các loại bảo vệ môi trường.

- Hiện có 131 dòng thuế.

- Gồm các mặt hàng : Thuốc lá, rượu, xăng dầu , ô tô, xe máy, các mặt hàng thuộc danh mục cấm nhập khẩu.

- Không cắt giảm thuế và các hàng rào phi thuế.

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp cần nắm và thực hiện các việc sau đây:

1. Trong quá trình hội nhập kinh tế vươn ra thị trường quốc tế và khu vực, nhà nước chỉ hỗ trợ, tạo môi trường pháp lý thông thoáng và thuận lợi . Sự thành công tới đâu trong quá trình này là tùy thuộc vào sức cạnh tranh, tinh năng động sáng tạo của các doanh nghiệp. Vì thế các doanh nghiệp phải thực sự vào cuộc, vì sự sống còn của mình. Phải nắm lợi thế so sánh mới của doanh nghiệp mình là gì ?

Trước khi đi vào vấn đề này, cần làm rõ hai khái niệm : lợi thế so sánh tĩnh (static comparative advantage) và lợi thế so sánh động (dynamic comparative advantage).

Lợi thế so sánh tĩnh là lợi thế so sánh trước mắt hoặc trong trung hạn (5 -7 năm), được qui định bằng những đặc tính kinh tế hiện tại. Như vậy Việt Nam hiện nay có lợi thế so sánh trong những ngành dùng nhiều lao động , nhất là lao động giản đơn, và các ngành chế biến nông, thủy sản..

Lợi thế so sánh động là lợi thế so sánh 10 hoặc 15 năm sau, hoặc trong tương lai xa hơn. Trong thời gian như vậy Việt Nam có tiềm năng cạnh tranh được trong những ngành có hàm lượng tư bản, kỹ thuật cao hoặc lao động lành nghề, có tri thức cao. Tiềm năng này trở thành hiện thực hay không còn tùy thuộc chiến lược công nghiệp hóa hiện nay. Đối với việc phát triển những ngành Việt Nam có lợi thế so sánh động, lịch cắt giảm thuế quan mà AFTA quy định có lẽ hơi khắt khe vì thời gian bảo hộ

tương đối ngắn. Tuy nhiên, nếu có chiến lược công nghiệp hóa đúng đắn, ta có thể khắc phục được. Chẳng hạn trong giai đoạn đầu nên chọn một vài ngành mà lợi thế so sánh có thể phát huy tác dụng nhiều nhất, bảo đảm trong thời gian tương đối ngắn có thể cạnh tranh được, trước tiên là trong thị trường nội địa, sau đó là thị trường nước ngoài.

Như vậy con đường tất yếu của doanh nghiệp là kết hợp chặt chẽ sản xuất với kinh doanh. Mỗi đơn vị cần có chiến lược riêng của mình . Một mặt quy hoạch sản xuất , điều chỉnh cơ cấu, ưu tiên tập trung nỗ lực đầu tư cho sản xuất các mặt hàng chủ lực có thể mạnh, có khả năng cạnh tranh của đơn vị, lấy thị trường làm kim chỉ nam định hướng cho sản xuất. Như vậy các doanh nghiệp nên xây dựng một chương trình hành động cụ thể của mình kết hợp giữa năng lực sản xuất với năng lực kinh doanh để đảm bảo không ngừng nâng cao sức cạnh tranh, kết hợp với các lợi thế cam kết quốc tế, đưa được hàng của doanh nghiệp mình ra thị trường nước ngoài, khẳng định được vị trí trên trường quốc tế.

2. Những doanh nghiệp cần nghiên cứu nắm vững những cam kết cụ thể của các nước đối với Việt Nam và của Việt nam đối với các nước về vấn đề ưu đãi thuế quan, các cam kết cắt giảm hàng rào phi thuế quan, cắt giảm quota hạn chế số lượng, chế độ giấy phép, thủ tục và chế độ hải quan, các quy định về tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh động vật... Phải coi những cam kết này là chương trình hành động của từng đơn vị.

3. Vấn đề đào tạo cán bộ : Đào tạo cán bộ để theo kịp đà tăng tốc cho hội nhập quả là một chuyện không đơn giản. Vì đối với những người làm việc lâu năm tại đơn vị nếu không có trình độ ngoại ngữ nhất định thì không thể đáp ứng được cho hoạt động kinh doanh trong quá trình hội nhập. Trong khi đó dùng người có trình độ ngoại ngữ thì lại chưa đủ kinh nghiệm để giải quyết công việc.

4. Một vấn đề chú ý có vai trò quan trọng trong làm ăn quốc tế, đó là tác phong ngoại thương, một tác phong công nghiệp hiện đại. Đó là yếu tố thành công của các nhà doanh nghiệp làm hàng xuất khẩu. Nghĩa là các nhà doanh nghiệp phải đúng giờ, đúng hẹn, giao hàng đúng ngày, đủ số lượng, đảm bảo đúng chất lượng. Có như thế thì mới đảm bảo việc giữ chân khách hàng, giành được thị trường ■